TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dư Văn Th, sinh năm 1986; thường trú: Thôn Đ V, xã M Qu, huyện T Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ liên hệ: Số 110, đường số M, khu trung tâm hành chính, khu phố Nh Đ 2, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Anh Th, sinh năm 1991; thường trú: Ấp H Ph, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ nơi làm việc: Số 8, đường B, khu phố Nhị Đồng 2, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Dư Văn Thu trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dư Văn Th và chị Lê Thị Anh Th thời gian quen nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135 cấp ngày 27/12/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 147/24, đường TL15, phường Th L, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện anh Th đang sinh sống tại thôn Đ V, xã M Qu, huyện T Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; còn chị Th sinh sống tại thành phố Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng làm việc tại thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc

được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống không đầm ấm, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên thường xuyên cãi vã, hiện hai vợ chồng sống ly thân. Nay, anh Th xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Dư Văn Th yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Anh Th.

Về con chung: Vơ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản tự khai ngày 09/3/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn chị Lê Thị Anh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Anh Th thống nhất với lời trình bày của anh Th về thời gian kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn. Do vợ chồng sống chung với nhau không được hòa thuận, thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện nay hai vợ chồng sống ly thân. Nay trước yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn anh Dư Văn Th thì chị Th đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Thu và chị Thư, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Anh Dư Văn Th và anh Lê Thị Anh Th trước khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án anh Th không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ, cũng không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là, hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đều thừa nhận cuộc sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017, anh Dư Văn Th và bà Lê Thị Anh Th tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135 cấp ngày 27/12/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện vợ chồng sống ly thân. Vì vậy có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của anh Th và chị Th đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc Dư Văn Th yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dư Văn Thu đối với bị đơn chị Lê Thị Anh Thư về việc Tranh chấp ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dư Văn Th được ly hôn với chị Lê Thị Anh Th. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135 do Ủy ban nhân dân xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/12/2017).

Về con chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dư Văn Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006003 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**